

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

(đã được soát xét)



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF  
THE GLOBAL ADVISORY  
AND ACCOUNTING NETWORK

## **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	06-41
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11-41

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2137/QĐ-BGTVT ngày 11 tháng 07 năm 2007 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103008926 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 02 tháng 11 năm 2021 với mã số doanh nghiệp là 0300448709.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Huỳnh Nam Anh	Chủ tịch
Ông Trịnh Hữu Lương	Phó Chủ tịch
Bà Mai Thị Thu Vân	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Ngọc	Ủy viên
Ông Trần Trung Dũng	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trịnh Hữu Lương	Tổng Giám đốc
Bà Mai Thị Thu Vân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vương Nguyễn Triều Quang	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vũ Thị Diệp	Trưởng ban
Bà Trần Thị Thu Hà	Thành viên
Bà Nguyễn Quỳnh Liên	Thành viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty.



Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

### Cam kết khác

Thay mặt Ban Tổ

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2022*



## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được lập ngày 30 tháng 07 năm 2022, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại thời điểm 30/06/2022, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 1.886 tỷ đồng, lỗ lũy kế là 2.363 tỷ đồng, chỉ tiêu vốn chủ âm 1.717 tỷ đồng. Đồng thời tại thuyết minh số 20 - Vay, các khoản nợ vay đã quá hạn thanh toán lên tới 554 tỷ đồng. Tại thuyết minh số 17- Chi phí phải trả ngắn hạn, chi phí lãi vay phải trả cho các khoản vay quá hạn này là 1.210 tỷ đồng. Công ty chưa có phương án hiệu quả để khắc phục khả năng thanh khoản cũng như tìm kiếm được nguồn tiền để thanh toán cho các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng tới trong điều kiện hoạt động bình thường. Công ty cũng đang đối mặt với các vụ kiện của Ngân hàng về việc phải thanh toán ngay các khoản vay. Những sự kiện này, cùng với các vấn đề được nêu ở Thuyết minh số 1, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.




Như trình bày tại Thuyết minh số 27 - Chi phí tài chính, ngày 25/03/2022, Công ty nhận được công văn số 681/2022/CV-HCM của Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (MSB) yêu cầu truy thu lãi vay và lãi phạt liên quan đến khoản vay vốn lưu động và vay dài hạn đóng tàu VTC Phoenix cho giai đoạn từ quý 3/2015 đến ngày 23/03/2022 với tổng giá trị quy đổi là 94.095.613.326 đồng (gồm 3.035.080.969 VND và 3.913.552,19 USD). Trong số này, chi phí lãi vay Công ty đã trích từ các năm trước là 27.066.868.547 đồng, chi phí lãi vay cần ghi nhận bổ sung là 64.957.421.508 đồng. Tuy nhiên, Công ty đang ghi nhận vào chi phí trong kỳ số tiền 34 tỷ đồng và dự kiến ghi nhận đủ khoản chi phí này vào 6 tháng cuối năm 2022 nếu không đạt thỏa thuận miễn giảm lãi, Công ty chưa điều chỉnh hồi tố chi phí lãi vay các năm trước tương ứng theo thời gian tính lãi. Hiện tại, Công ty đang tiếp tục thương thảo với ngân hàng để đạt được một thỏa thuận khác trong việc gia hạn trả nợ gốc vay và miễn giảm tiền lãi vay và lãi phạt chậm trả. Với những tài liệu đã thu thập, chúng tôi chưa thể xác định được chi phí lãi vay và lãi chậm trả cần ghi nhận vào chi phí trong kỳ cũng như chi phí cần điều chỉnh hồi tố vào các năm trước. Chúng tôi cũng không thể đánh giá được khả năng được tiếp tục miễn giảm lãi vay, lãi phạt, cũng như rủi ro bị thu hồi tài sản do không trả được nợ và ảnh hưởng của chúng (nếu có) đến Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

### Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề được nêu tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Cát Thị Hà   
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0725-2018-002-1

Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2022



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		221.649.785.783	171.069.490.765
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3	23.630.498.201	19.409.760.141
111	1. Tiền		23.630.498.201	19.409.760.141
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		138.248.990.500	98.658.524.990
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	2.800.171.573	3.073.795.357
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	15.019.686.304	8.216.381.331
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	130.835.239.216	97.774.454.895
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(10.406.106.593)	(10.406.106.593)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	9	44.691.119.263	39.444.376.097
141	1. Hàng tồn kho		44.691.119.263	39.444.376.097
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		15.079.177.819	13.556.829.537
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	420.196.051	3.567.009.972
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		14.633.762.689	9.942.715.670
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	25.219.079	47.103.895
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		414.617.917.390	471.119.246.035
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		22.241.217.737	22.279.281.482
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	22.241.217.737	22.279.281.482
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		349.703.698.479	420.301.047.717
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	349.690.948.479	420.262.797.717
222	- Nguyên giá		2.352.556.048.939	2.350.318.147.303
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.002.865.100.460)	(1.930.055.349.586)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	12.750.000	38.250.000
228	- Nguyên giá		7.259.395.096	7.259.395.096
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.246.645.096)	(7.221.145.096)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	10	19.003.979.858	1.785.604.375
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		19.003.979.858	1.785.604.375
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	4	2.000.000.000	2.000.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.000.000.000	2.000.000.000
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		21.669.021.316	24.753.312.461
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	21.669.021.316	24.753.312.461
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		636.267.703.173	642.188.736.800



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022*  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.353.312.438.935</b>	<b>2.358.501.393.491</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>2.083.420.308.690</b>	<b>2.307.616.033.175</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	34.678.698.698	47.371.759.204
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	12.292.025.711	15.302.454.878
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	1.123.895.172	550.659.747
314	4. Phải trả người lao động		39.292.781.699	33.728.324.559
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	1.234.451.536.052	1.114.935.353.307
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	14.438.007.102	5.540.836.422
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	34.040.786.549	31.190.598.159
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	711.596.780.442	1.057.459.190.206
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.505.797.265	1.536.856.693
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>269.892.130.245</b>	<b>50.885.360.316</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	8.404.589.178	8.404.589.178
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	261.487.541.067	42.480.771.138
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>(1.717.044.735.762)</b>	<b>(1.716.312.656.691)</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21</b>	<b>(1.717.044.735.762)</b>	<b>(1.716.312.656.691)</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		629.993.370.000	629.993.370.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		629.993.370.000	629.993.370.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		88.258.000	88.258.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		11.199.638.880	10.753.625.664
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		4.840.727.077	4.840.727.077
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(2.363.166.729.719)	(2.361.988.637.432)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(2.362.891.461.220)	(2.359.948.877.160)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		(275.268.499)	(2.039.760.272)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>636.267.703.173</b>	<b>642.188.736.800</b>

Lê Kim Phụng  
Kế toán trưởng

Mai Thị Thu Vân  
Phó Tổng Giám đốc tài chính



Trịnh Hữu Lương  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2022



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	420.247.475.713	206.905.642.791
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	-	363.777.987
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		420.247.475.713	206.541.864.804
11	4. Giá vốn hàng bán	25	283.437.411.032	223.628.200.213
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		136.810.064.681	(17.086.335.409)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	2.085.313.975	2.606.889.279
22	7. Chi phí tài chính	27	71.767.752.103	44.328.625.406
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		60.624.961.835	43.626.084.860
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	(56.897.319)
25	9. Chi phí bán hàng	28	6.713.665.751	2.409.118.743
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	15.069.086.832	13.097.421.053
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		45.344.873.970	(74.371.508.651)
31	12. Thu nhập khác	30	115.095.667	8.192.718
32	13. Chi phí khác	31	44.722.930.519	23.947.306.411
40	14. Lợi nhuận khác		(44.607.834.852)	(23.939.113.693)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		737.039.118	(98.310.622.344)
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	1.012.307.617	1.455.311.305
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(275.268.499)	(99.765.933.649)
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		(275.268.499)	(99.765.933.649)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	(4)	(1.584)


Lê Kim Phụng  
Kế toán trưởng

Mai Thị Thu Vân  
Phó Tổng Giám đốc tài chínhTrịnh Hữu Lương  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2022



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2022	2021
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		737.039.118	(98.310.622.344)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		73.021.069.056	72.313.710.007
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		8.083.946.421	(2.030.548.824)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.419.764.452)	(190.877.408)
06	- Chi phí lãi vay		60.624.961.835	66.991.892.537
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		141.047.251.978	38.773.553.968
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(44.211.425.735)	1.556.170.138
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(5.246.743.166)	(2.154.361.925)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		60.788.308.327	(17.367.548.553)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		6.231.105.066	6.832.698.880
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(789.165.450)	(690.964.902)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(487.870.000)	(472.940.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		157.331.461.020	26.476.607.606
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(19.679.258.937)	(12.571.429)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		152.222.222	8.181.818
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.304.705.866	239.592.909
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(18.222.330.849)	235.203.298
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.959.600.463	-
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(137.026.737.444)	(12.688.176.366)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(135.067.136.981)	(12.688.176.366)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		4.041.993.190	14.023.634.538



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		19.409.760.141	31.450.612.063
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		178.744.870	(967.836)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>23.630.498.201</u>	<u>45.473.278.765</u>

Lê Kim Phụng  
Kế toán trưởng

Mai Thị Thu Vân  
Phó Tổng Giám đốc tài chính



Trịnh Hữu Lương  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2022

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2137/QĐ-BGTVT ngày 11 tháng 07 năm 2007 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103008926 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 02 tháng 11 năm 2021 với mã số doanh nghiệp là 0300448709.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 629.993.370.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 629.993.370.000 đồng; tương đương 62.999.337 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là: 930 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là: 928 người).

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Chi tiết: Kinh doanh vận tải biển;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan;
- Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ cung ứng tàu biển. Dịch vụ giao nhận hàng hóa. Kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế. Dịch vụ tiếp vận. Dịch vụ khai thuê hải quan. Cho thuê kho bãi, container. Dịch vụ đại lý tàu biển. Môi giới thuê tàu biển. Căn hàng hóa liên quan đến vận tải;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Xuất khẩu lao động;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác). Chi tiết: Sửa chữa tàu biển;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán phương tiện, thiết bị, phụ tùng ngành vận tải biển, vật tư, hóa chất, sơn phục vụ sửa chữa và bảo dưỡng tàu biển;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán nguyên vật liệu ngành xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở).



**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Doanh thu 6 tháng đầu năm 2022 tăng 103,11% so với cùng kỳ năm 2021 do giá cước thị trường tàu hàng khô tăng đột biến bởi nguồn cung tàu bị thiếu hụt. Tuy nhiên, các chi phí liên quan đến việc cho thuê tàu biển phát sinh tương đối ổn định và chỉ tăng nhẹ chủ yếu do chi phí nhân công phải trả thuyền viên và một số chi phí khác dẫn đến giá vốn kỳ này chỉ tăng 26,74% so với cùng kỳ năm trước. Điều này dẫn đến lợi nhuận về bán hàng và cung cấp dịch vụ 6 tháng đầu năm 2022 tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2021 và đạt 153,89 tỷ đồng.

Tại thời điểm 30/06/2022, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 1.886 tỷ đồng, lỗ lũy kế là 2.363 tỷ đồng, chỉ tiêu vốn chủ sở hữu 1.717 tỷ đồng. Đồng thời tại thuyết minh số 20 - Vay, các khoản nợ vay đã quá hạn thanh toán lên tới 554 tỷ đồng. Tại thuyết minh số 17- Chi phí phải trả ngắn hạn, chi phí lãi vay phải trả cho các khoản vay quá hạn này là 1.210 tỷ đồng. Công ty đang phấn đấu giảm lỗ tối đa và tìm kiếm cơ hội tái cơ cấu tài chính để bù đắp phần lỗ, đưa lợi nhuận của Công ty về mức cân bằng. Với các kế hoạch và định hướng đã đề ra, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

**Cấu trúc Tập đoàn**

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2022 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Cung ứng thuyền viên SCC (SCCM)	Tp. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Xuất khẩu lao động, cung ứng thuyền viên
Công ty TNHH Quản lý tàu biển Hải Đăng	Tp. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Vận tải biển

**2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY****2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng***Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.



### **2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

### **2.4 . Công cụ tài chính**

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### **Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### **Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ được quy đổi ra đồng Việt Nam áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc: Công ty sử dụng tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

### **2.6 . Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.



**2.7 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau: Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

**2.8 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.9 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.10 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 12	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 20	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 08	năm



## **2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

Chi phí sửa chữa lớn của các tàu căn cứ theo quy định kiểm tra, phân cấp tàu biển Việt Nam theo chu kỳ 5 năm (trong đó kiểm tra trên đà được tiến hành 2 lần trong một chu kỳ 5 năm với thời hạn không quá 3 năm giữa 2 lần lên đà).

## **2.12 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí sửa chữa lớn của Công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 30 tháng theo chu kỳ lên đà sửa chữa của các tàu.

## **2.13 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## **2.14 . Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

## **2.15 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.



**2.16 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.17 . Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tàu biển và dịch vụ vận tải.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

**2.18 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho cán bộ nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

**2.19 . Doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,  
Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## **2.20 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

## **2.21 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## **2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

### **a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

### **b) Thuế suất thuế TNDN kỳ hiện hành**

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

## **2.23 . Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,  
Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

### 2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.25 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

## 3 . TIỀN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	41.476.286	32.063.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	23.589.021.915	19.377.697.141
+ Tiền Việt Nam	5.291.136.487	5.464.408.312
+ Ngoại tệ	18.297.885.428	13.913.288.829
	<b>23.630.498.201</b>	<b>19.409.760.141</b>

(\*) Gồm tiền lương và thu nhập khác của Thuyền viên chưa thanh toán.

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Dự phòng VND
- Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận	2.000.000.000	-	-	-
	<u>2.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Đầu tư vào đơn vị khác**

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận	Tp Hồ Chí Minh	10,00%	10,00%	Kinh doanh bất động sản cho thuê



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,  
Tp. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
- Evergreen Marine Corporation	775.427.684	-	961.436.327	-
- Daiichi Chuo Naiko Kaisha	1.030.978.672	-	1.796.227.802	-
- Vinabridge Shipping Co., Limited	688.650.000	-	-	-
- Phải thu khách hàng khác	305.115.217	(111.496.589)	316.131.228	(111.496.589)
	<b>2.800.171.573</b>	<b>(111.496.589)</b>	<b>3.073.795.357</b>	<b>(111.496.589)</b>

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Công nghiệp Hàng hải Sài Gòn	4.200.000.000	-	1.400.000.000	-
- Công ty TNHH An Tín Hải Phòng	3.655.891.000	-	2.178.300.000	-
- Cục đăng kiểm số 6	1.196.666.216	-	-	-
- Đối tượng khác	5.967.129.088	-	4.638.081.331	-
	<b>15.019.686.304</b>	<b>-</b>	<b>8.216.381.331</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,  
Tp. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Tạm ứng	7.808.758.917	-	2.597.097.844	-
- Ký cược, ký quỹ (1)	105.060.453.120	-	80.060.453.120	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashinlines (2)	9.033.915.535	(9.033.915.535)	9.033.915.535	(9.033.915.535)
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam (3)	1.208.068.467	(1.208.068.467)	1.208.068.467	(1.208.068.467)
- Phải thu khác	7.724.043.177	(52.626.002)	4.874.919.929	(52.626.002)
	<b>130.835.239.216</b>	<b>(10.294.610.004)</b>	<b>97.774.454.895</b>	<b>(10.294.610.004)</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
- Ký cược, ký quỹ	3.046.500.000	-	3.084.500.000	-
- Khoản ký cược, ký quỹ cho hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty TNHH Trung Thủy Lancaster (4)	19.194.717.737	-	19.194.781.482	-
	<b>22.241.217.737</b>	<b>-</b>	<b>22.279.281.482</b>	<b>-</b>

- (1) Khoản ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Phương Đông nhằm đảm bảo khả năng thanh toán nợ cho Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM trước khi Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM ký hợp đồng mua nợ với Ngân hàng TMCP Á Châu và thanh toán khoản nợ vay còn số dư với Ngân hàng TMCP Á Châu;
- (2) Khoản tiền hỗ trợ sửa chữa con tàu Vinashin Eagle chi trả thay cho Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashinlines;
- (3) Khoản chi trả hộ công nợ Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam;
- (4) Khoản ký quỹ để thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2015/HĐ-TTL ngày 24/07/2015 với Công ty TNHH Trung Thủy Lancaster. Hợp đồng hợp tác đầu tư lập ra pháp nhân mới là Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận để thực hiện dự án căn hộ kết hợp thương mại dịch vụ tại khu II số 428 Nguyễn Tất Thành, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh. Khoản ký quỹ này đã được Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam phong tỏa. Xem thêm tại Thuyết minh số 04 - Các khoản đầu tư tài chính và Thuyết minh số 19 - Phải trả khác.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,  
Tp. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**8 . NỢ XẤU**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:				
- Công ty TNHH MTV vận tải viễn dương Vinashin (Vinashinlines)	9.033.915.535	-	9.033.915.535	-
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (Falcon)	1.208.068.467	-	1.208.068.467	-
- Các khoản khác	164.122.591	-	164.122.591	-
	<b>10.406.106.593</b>	<b>-</b>	<b>10.406.106.593</b>	<b>-</b>

**9 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	32.922.715.509	-	27.603.166.850	-
Công cụ, dụng cụ	11.768.403.754	-	11.841.209.247	-
	<b>44.691.119.263</b>	<b>-</b>	<b>39.444.376.097</b>	<b>-</b>

**10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>725.985.288</b>	<b>713.985.291</b>
- Dự án xây dựng cải tạo tòa nhà văn phòng Khu I số 428 Nguyễn Tất Thành (*)	625.985.288	625.985.288
- Dự án Phần mềm e-office	40.000.000	28.000.000
- Dự án Phần mềm quản lý phụ tùng vật tư đội tàu	60.000.000	60.000.003
<b>Sửa chữa lớn tài sản cố định</b>	<b>18.277.994.570</b>	<b>1.071.619.084</b>
- Sửa chữa lớn tàu VTC Sun năm 2021	-	1.071.619.084
- Sửa chữa lớn tàu VTC Planet	11.587.840.609	-
- Sửa chữa lớn tàu VTC Dragon	4.734.489.344	-
- Sửa chữa lớn tàu VTC Phoenix	1.945.664.617	-
- Sửa chữa lớn tàu Viễn Đông 3	10.000.000	-
	<b>19.003.979.858</b>	<b>1.785.604.375</b>

(\*) Khu đất 428 Nguyễn Tất Thành, phường 18, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh bao gồm 2 khu đất. Trong đó Khu I với diện tích 1.053,8 m<sup>2</sup> đang được Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty thuê (thuê đất trả tiền hàng năm) và sử dụng làm trụ sở làm việc. Khu II với diện tích 2.164,9 m<sup>2</sup> đang thuộc quyền sử dụng của Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận thực hiện triển khai dự án Căn hộ kết hợp thương mại dịch vụ.

Trên diện tích đất của Công ty đang quản lý sử dụng Công ty đã có dự án đầu tư xây dựng văn phòng làm việc tại Khu số I số 428 Nguyễn Tất Thành. Dự án đầu tư đã bắt đầu khảo sát từ năm 2010, tuy nhiên do còn vướng mắc thủ tục với các cơ quan ban ngành nên dự án chưa thể triển khai.



**11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng
	VND		VND		VND		VND		VND
Nguyên giá									
Số dư đầu năm	8.191.134.400		7.966.562.613		2.327.769.213.934		6.391.236.356		2.350.318.147.303
- Mua trong kỳ	-		150.883.454		-		2.310.000.000		2.460.883.454
- Thanh lý, nhượng bán	-		-		(222.981.818)		-		(222.981.818)
Số dư cuối kỳ	8.191.134.400		8.117.446.067		2.327.546.232.116		8.701.236.356		2.352.556.048.939
Giá trị hao mòn lũy kế									
Số dư đầu năm	8.191.134.400		4.845.235.552		1.911.145.090.266		5.873.889.368		1.930.055.349.586
- Khấu hao trong kỳ	-		1.185.458.469		71.687.744.251		122.366.336		72.995.569.056
- Thanh lý, nhượng bán	-		-		(185.818.182)		-		(185.818.182)
Số dư cuối kỳ	8.191.134.400		6.030.694.021		1.982.647.016.335		5.996.255.704		2.002.865.100.460
Giá trị còn lại									
Tại ngày đầu năm	-		3.121.327.061		416.624.123.668		517.346.988		420.262.797.717
Tại ngày cuối kỳ	-		2.086.752.046		344.899.215.781		2.704.980.652		349.690.948.479

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 344.899.215.781 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 16.138.441.587 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,  
Tp. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là hệ thống phần mềm ứng dụng EPR, phần mềm chống virus AVG và phần mềm Bundle thiết bị Fortimail FIUL - 2. Nguyên giá và hao mòn lũy kế tại thời điểm 30/06/2022 lần lượt là 7.259.395.096 đồng và 7.246.645.096 đồng, trong đó khấu hao phát sinh 6 tháng đầu năm 2022 là 25.500.500 đồng.

**13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	37.621.963
Chi phí bảo hiểm đội tàu, hỏa hoạn	390.573.116	3.137.518.426
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng văn phòng khác	3.295.556	59.341.412
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	26.327.379	332.528.171
	<b>420.196.051</b>	<b>3.567.009.972</b>
b) Dài hạn		
Sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ (*)	21.022.362.695	23.585.204.574
Công cụ dụng cụ xuất dùng	616.658.621	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	30.000.000	1.168.107.887
	<b>21.669.021.316</b>	<b>24.753.312.461</b>

(\*) Căn cứ quy định kiểm tra, phân cấp tàu biển Việt Nam theo chu kỳ 5 năm (trong đó kiểm tra trên đà được tiến hành 2 lần trong một chu kỳ 5 năm với thời hạn không quá 3 năm giữa 2 lần lên đà). Trong năm 2022, Công ty đã thực hiện sửa chữa lên đà cho 04 tàu, VTC Planet, VTC Dragon, VTC Phoenix, Viễn Đông 3.

**14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	-	-	322.986.292	322.986.292
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Xích Đạo	1.976.805.555	1.976.805.555	3.789.808.267	3.789.808.267
Công ty Cổ phần Dầu Khí Quốc Tế PS	1.639.799.220	1.639.799.220	3.155.685.082	3.155.685.082
Công ty TNHH TM & DV Hồng Thụ	2.986.487.581	2.986.487.581	3.984.860.488	3.984.860.488
Phải trả các đối tượng khác	28.075.606.342	28.075.606.342	36.118.419.075	36.118.419.075
	<b>34.678.698.698</b>	<b>34.678.698.698</b>	<b>47.371.759.204</b>	<b>47.371.759.204</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU BIỂN VIỆT NAM**  
428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÁN HẠN**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Daedong Shipping Co., ltd	7.580.054.658	8.531.544.658
- Shengfa Shipping (Hong Kong) Co., ltd	325.487.498	325.487.498
- Winner Shipping Co.,Ltd	3.226.222.455	3.215.441.100
- Đối tượng khác	1.160.261.100	3.229.981.622
	<b>12.292.025.711</b>	<b>15.302.454.878</b>

**16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	232.157.352	1.199.751.656	-	490.769.737
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	21.180.248	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	22.565.631	311.875.208	789.165.450	22.565.631	535.017.375
Thuế Thu nhập cá nhân	23.538.264	6.627.187	461.900.653	2.653.448	98.108.060
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	767.027.022	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.000.000	-	9.000.000	-	-
	<b>47.103.895</b>	<b>550.659.747</b>	<b>3.248.025.029</b>	<b>25.219.079</b>	<b>1.123.895.172</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,  
Tp. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022**17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a) Chi phí phải trả ngắn hạn</b>		
- Chi phí lãi vay (*) (**)	1.210.696.936.673	1.105.380.921.947
- Tiền ăn của thuyền viên	4.330.377.199	4.261.105.169
- Phải trả tiền lương thuyền viên	6.438.868.628	3.564.332.325
- Trích trước chi phí sửa chữa lớn	9.287.900.487	-
- Chi phí phải trả khác	3.697.453.065	1.728.993.866
	<b>1.234.451.536.052</b>	<b>1.114.935.353.307</b>
<b>Chi phí lãi vay quá hạn thanh toán</b>	<b>1.210.696.936.673</b>	<b>1.105.380.921.947</b>

(\*) Trong đó chi phí lãi vay phải trả cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II tại thời điểm 30/06/2022 và 01/01/2022 lần lượt là 42.263.699.232 đồng và 40.493.669.778 đồng.

(\*\*) Tại thời điểm 30/06/2022, Công ty đang thực hiện trích trước chi phí lãi vay và lãi chậm trả theo công văn số 681/2022/CV-HCM ngày 25/03/2022 của Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (MSB) yêu cầu truy thu lãi vay và lãi phạt liên quan đến khoản vay vốn lưu động cho giai đoạn từ quý 3/2015 đến ngày 23/03/2022 với giá trị 34.138.043.837 đồng. Thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 27 - Chi phí tài chính và Thuyết minh số 31 - Chi phí khác.

**18 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Doanh thu chưa thực hiện khác	14.438.007.102	5.540.836.422
	<b>14.438.007.102</b>	<b>5.540.836.422</b>

**19 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	5.806.638.597	5.559.366.713
- Bảo hiểm xã hội	1.067.302.262	523.304.120
- Bảo hiểm y tế	151.797.613	124.797.192
- Bảo hiểm thất nghiệp	83.913.988	81.129.623
- Phải trả lãi vay	-	-
- Công ty TNHH Tân Thuận Landcaster	19.194.717.737	19.194.781.482
- Khoản mượn tiền bà Dương Thanh Thủy lãi suất 0%	2.000.000.000	2.000.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.736.416.352	3.707.219.029
	<b>34.040.786.549</b>	<b>31.190.598.159</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Phải trả Công ty Đóng tàu Bạch Đằng tàu VTC Phoenix	8.404.589.178	8.404.589.178
	<b>8.404.589.178</b>	<b>8.404.589.178</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**20 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2022		Trong kỳ		30/06/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
<b>Vay ngắn hạn</b>						
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	192.216.707.416	192.216.707.416	2.065.300.142	111.549.969.124	82.732.038.434	82.732.038.434
- Chi nhánh Tp.HCM (1)	84.905.866.403	84.905.866.403	1.775.827.582	6.443.030.000	80.238.663.985	80.238.663.985
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh	3.637.647.045	3.637.647.045	57.864.848	1.202.137.444	2.493.374.449	2.493.374.449
- Vượng - Hội sở (2)						
- Ngân hàng TMCP Á Châu (3)	103.673.193.968	103.673.193.968	231.607.712	103.904.801.680	-	-
<b>Vay dài hạn trả trong vòng 12 tháng</b>						
<b>Vay dài hạn đã quá hạn</b>						
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	865.242.482.790	865.242.482.790	93.033.737.985	329.411.478.767	628.864.742.008	628.864.742.008
- Chi nhánh Tp.HCM (1)	824.056.176.391	824.056.176.391	23.482.503.656	293.543.678.767	553.995.001.280	553.995.001.280
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi	25.868.220.692	25.868.220.692	-	100.000.000	25.768.220.692	25.768.220.692
- Chi nhánh Tp.HCM (1)						
- Ngân hàng TMCP Á Châu (3)	315.602.844.292	315.602.844.292	2.327.177.492	286.162.108.767	31.767.913.017	31.767.913.017
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở	8.661.000.000	8.661.000.000	-	10.000.000	8.651.000.000	8.651.000.000
- giao dịch II (4)						
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi	277.312.600.000	277.312.600.000	2.489.000.000	6.700.000.000	273.101.600.000	273.101.600.000
- nhánh khu vực Đông Bắc (5)						
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi	196.611.511.407	196.611.511.407	18.666.326.164	571.570.000	214.706.267.571	214.706.267.571
- nhánh Tp.HCM (6)						
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>						
- Ngân hàng TMCP Á Châu (3)	41.186.306.399	41.186.306.399	69.551.234.329	35.867.800.000	74.869.740.728	74.869.740.728
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi	1.367.160.000	1.367.160.000	11.640.000	1.378.800.000	-	-
- nhánh khu vực Đông Bắc (5)	2.489.000.000	2.489.000.000	-	2.489.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi	37.330.146.399	37.330.146.399	789.594.329	-	38.119.740.728	38.119.740.728
- nhánh Tp.HCM (6)						
- Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt	-	-	68.750.000.000	32.000.000.000	36.750.000.000	36.750.000.000
- Nam - Chi nhánh Tp.HCM (7)						
	<b>1.057.459.190.206</b>	<b>1.057.459.190.206</b>	<b>95.099.038.127</b>	<b>440.961.447.891</b>	<b>711.596.780.442</b>	<b>711.596.780.442</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU BIỂN VIỆT NAM**

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**20 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2022		Trong kỳ		30/06/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>c) Vay dài hạn</b>						
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM (1)	25.868.220.692	25.868.220.692	-	100.000.000	25.768.220.692	25.768.220.692
- Ngân hàng TMCP Á Châu (3)	322.519.944.740	322.519.944.740	2.386.069.684	293.138.101.407	31.767.913.017	31.767.913.017
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II (4)	8.661.000.000	8.661.000.000	-	10.000.000	8.651.000.000	8.651.000.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh khu vực Đông Bắc (5)	279.801.600.000	279.801.600.000	-	6.700.000.000	273.101.600.000	273.101.600.000
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Tp.HCM (6)	270.872.488.496	270.872.488.496	5.719.727.783	571.570.000	276.020.646.279	276.020.646.279
- Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM (7)	-	-	397.042.903.087	122.000.000.000	275.042.903.087	275.042.903.087
	<u>907.723.253.928</u>	<u>907.723.253.928</u>	<u>405.148.700.554</u>	<u>422.519.671.407</u>	<u>890.352.283.075</u>	<u>890.352.283.075</u>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng (b1+b2)	(865.242.482.790)	(865.242.482.790)	(95.099.038.127)	(440.961.447.891)	(628.864.742.008)	(628.864.742.008)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng (c-b)	<u>42.480.771.138</u>	<u>42.480.771.138</u>			<u>261.487.541.067</u>	<u>261.487.541.067</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

ST T	Ngân hàng	Thời hạn vay	Số dư 30/06/2022 (Nguyên tệ)	Số dư quy đổi VNĐ 30/06/2022	Phân loại				Mục đích vay	Tình hình	Tài sản đảm bảo
					Nợ ngắn hạn	Nợ đã quá hạn thanh toán	Nợ dài hạn đến hạn trả	Vay dài hạn			
1	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM			106.006.884.677	80.238.663.985	25.768.220.692	-	-	Bổ sung vốn lưu động	Đã quá hạn thanh toán và được tái cơ cấu lịch trả nợ tới 15/12/2022	Tin chấp
	Hợp đồng số 176/2014- HDDHM- VTC ngày 15/07/2014	12 tháng	3.448.222,03 USD	80.238.663.985	80.238.663.985	-	-	-			
	Hợp đồng số 89/07/HCM ngày 02/01/2007	96 tháng	25.768.220.692	25.768.220.692	-	25.768.220.692	-	-	Đầu tư đóng tàu chở hàng khô 22.500 DWT- chiếc 02/KH2005 (VTC Phoenix)	Đã quá hạn thanh toán và được gia hạn tới 29/07/2020	Tài sản hình thành từ vốn vay là Tàu chờ hàng khô 22.500 DWT - Tàu VTCPhoenix
2	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở			2.493.374.449	2.493.374.449	-	-	-			
	Hợp đồng số 529914 VPB Vitarschart ngày 26/05/2014	12 tháng	107.158,95 USD	2.493.374.449	2.493.374.449	-	-	-	Bổ sung vốn lưu động	Đã quá hạn thanh toán và được ngân hàng tái cơ cấu lịch trả nợ theo Công văn số 2711/2018/CV- VPB-CIB ngày 27/11/2018	Là toàn bộ các khoản phải thu đã hình thành và sẽ hình thành của bên Vay
3	Ngân hàng TMCP Á Châu			31.767.913.017	-	31.767.913.017	-	-			
	Hợp đồng số SGD.DN 01130312/MM LC ngày 22/03/2012	12 tháng	1.365.304,84 USD	31.767.913.017	-	31.767.913.017	-	-	Bổ sung vốn lưu động	Đã quá hạn thanh toán và Ngân hàng kiện ra toà	Tàu VTC Sun thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam



Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

ST T	Ngân hàng	Thời hạn vay	Số dư 30/06/2022 (Nguyên tệ)	Số dư quy đổi VNĐ 30/06/2022	Phân loại				Mục đích vay	Tình hình	Tài sản đảm bảo
					Nợ ngắn hạn	Nợ đã quá hạn thanh toán	Nợ dài hạn đến hạn trả	Vay dài hạn			
4	Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II			8.651.000.000	-	8.651.000.000	-	-			
	Hợp đồng số 83/2011/HĐTD- DTSDBS- NHPT ngày 27/12/2011	180 tháng	8.651.000.000 VND	8.651.000.000	-	8.651.000.000	-	-	- Đầu tư đóng tàu chờ hàng khô 6.500 DWT - Chiếc số 04/KH2004	Đã quá hạn thanh toán và được gia hạn tới tháng 08/2020	Tàu Viễn Đông 5 đã bán ngày 03/07/2019. Hiện tại không còn TSĐB
5	Ngân hàng Phát triển Việt Nam - khu vực Đông Bắc			273.101.600.000	-	273.101.600.000	-	-			
	Hợp đồng số 06/2003/HĐTD- TW/TW ngày 21/07/2003	144 tháng	31.042.600.000 VND	31.042.600.000	-	31.042.600.000	-	-	- Đầu tư đóng tàu chờ hàng khô 6.500 DWT	Được tái cơ cấu lịch trả nợ tới tháng 6/2018	Tài sản hình thành từ vốn vay là Tàu chờ hàng khô 6.500 DWT - Tàu Viễn Đông 3
	Hợp đồng số 05/2005/HĐTD -TDIW ngày 28/07/2005	144 tháng	129.077.000.000 VND	129.077.000.000	-	129.077.000.000	-	-	- Đầu tư đóng tàu chờ hàng khô 22.500 DWT	Được gia hạn thanh toán tới tháng 8/2020	Tài sản hình thành từ vốn vay là Tàu chờ hàng khô 22.500 DWT - Tàu VTC Dragon
	Hợp đồng số 07/2006/HĐTD SD-TDI ngày 31/08/2011	144 tháng	112.982.000.000 VND	112.982.000.000	-	112.982.000.000	-	-	- Đầu tư đóng tàu chờ hàng khô 22.500 DWT	Được gia hạn thanh toán tới tháng 11/2021	Tài sản được hình thành từ vốn vay là Tàu chờ hàng khô 22.500 DWT - VTC Phoenix
6	Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh TP.HCM			276.020.646.279	-	214.706.267.571	38.119.740.728	23.194.637.980			
	Hợp đồng số 1007968.A.10. HĐTD.HCM ngày 01/06/2010	96 tháng	276.020.646.279 VND	276.020.646.279	-	214.706.267.571	38.119.740.728	23.194.637.980	- Đầu tư mua tàu VTC Glory tải trọng 23.620 DWT	Đã quá hạn thanh toán và gia hạn tới tháng 6/2020	Tài sản được hình thành từ vốn vay là tàu VTC Glory tải trọng 23.620 DWT



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

ST T	Ngân hàng	Thời hạn vay	Số dư 30/06/2022 (Nguyên tệ)	Số dư quy đổi VNĐ 30/06/2022	Phân loại				Mục đích vay	Tình hình	Tài sản đảm bảo
					Nợ ngắn hạn	Nợ đã quá hạn thanh toán	Nợ dài hạn đến hạn trả	Vay dài hạn			
7	Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM			275.042.903.087		-	36.750.000.000	238.292.903.087			
	Biên bản xác nhận và chuyển giao quyền chủ nợ giữa Ngân hàng TMCP Á Châu, Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM và Công ty CP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam ngày 31/03/2022	36 tháng	275.042.903.087 VNĐ	275.042.903.087			36.750.000.000	238.292.903.087	Các khoản nợ đối với Ngân hàng TMCP Á Châu phát sinh khi đầu tư mua tàu Planet, Sun, Dragon đã được chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM	Đang trong hạn thanh toán	- Tàu chở hàng khô VTC Planet Số hiệu/ Số IMO 3WVU-0960730 trọng tải 22.176 DWT; - Tàu chở hàng khô VTC Sun Số hiệu/ số IMO 3WRF-9146895; - Tàu chở hàng khô VTC Dragon 22.500 DWT - Chiếc số 03/KH 2004; - Tàu chở hàng khô VTC Ocean, trọng tải 23.000 tấn, đóng năm 1999, nơi đóng Philippine.
	<b>Tổng cộng</b>			973.084.321.509	82.732.038.434	553.995.001.280	74.869.740.728	261.487.541.067			



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>629.993.370.000</b>		<b>88.258.000</b>		<b>9.662.314.492</b>		<b>4.840.727.077</b>		<b>(2.358.825.542.077)</b>		<b>(1.714.240.872.508)</b>	
Lỗ trong kỳ trước	-		-		-		-		(2.039.760.272)		(2.039.760.272)	
Phân phối lợi nhuận	-		-		1.091.311.172		-		(1.726.631.772)		(635.320.600)	
Tăng do xóa bút toán Thuế TNĐN hoãn lại phải trả	-		-		-		-		603.296.689		603.296.689	
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>629.993.370.000</b>		<b>88.258.000</b>		<b>10.753.625.664</b>		<b>4.840.727.077</b>		<b>(2.361.988.637.432)</b>		<b>(1.716.312.656.691)</b>	
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>629.993.370.000</b>		<b>88.258.000</b>		<b>10.753.625.664</b>		<b>4.840.727.077</b>		<b>(2.361.988.637.432)</b>		<b>(1.716.312.656.691)</b>	
Lỗ trong kỳ này	-		-		-		-		(275.268.499)		(275.268.499)	
Phân phối lợi nhuận	-		-		-		-		(902.823.788)		(902.823.788)	
Tăng khác	-		-		446.013.216		-		-		446.013.216	
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>629.993.370.000</b>		<b>88.258.000</b>		<b>11.199.638.880</b>		<b>4.840.727.077</b>		<b>(2.363.166.729.719)</b>		<b>(1.717.044.735.762)</b>	

Theo Thông báo số 08/QĐ-HĐQT ngày 31/03/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam về việc Công ty TNHH Cung ứng thuyền viên SCC (Công ty con của Công ty) công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

Phân phối lợi nhuận	Tại Công ty con
	VND
Trích Quỹ đầu tư phát triển	446.013.216
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	356.810.572
Trích Quỹ thương Ban điều hành	100.000.000
Chuyển LN về công ty mẹ	8.017.440.286



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,  
Tp. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP	47,44%	298.880.000.000	47,44%	298.880.000.000
Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam	6,35%	40.000.000.000	6,35%	40.000.000.000
Công đoàn Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam	3,77%	23.742.000.000	5,60%	35.264.000.000
Các cổ đông khác	42,44%	267.371.370.000	40,61%	255.849.370.000
	<b>100%</b>	<b>629.993.370.000</b>	<b>100%</b>	<b>629.993.370.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	6 tháng đầu năm 2022 VND	6 tháng đầu năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	629.993.370.000	629.993.370.000
- Vốn góp đầu kỳ	629.993.370.000	629.993.370.000
- Vốn góp cuối kỳ	629.993.370.000	629.993.370.000

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	62.999.337	62.999.337
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	62.999.337	62.999.337
- Cổ phiếu phổ thông	62.999.337	62.999.337
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	62.999.337	62.999.337
- Cổ phiếu phổ thông	62.999.337	62.999.337
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Quỹ đầu tư phát triển	11.199.638.880	10.753.625.664
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.840.727.077	4.840.727.077
	<b>16.040.365.957</b>	<b>15.594.352.741</b>

**22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****a) Cam kết thuê hoạt động**

Công ty có các hợp đồng thuê đất hàng năm tại số 428 Nguyễn Tất Thành; 438 Nguyễn Tất Thành và số 36 Nguyễn Thị Minh Khai để sử dụng với mục đích làm trụ sở văn phòng. Diện tích khu đất thuê lần lượt là 1.053,8 m<sup>2</sup>; 143,4 m<sup>2</sup> và 431 m<sup>2</sup>. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định hiện hành của Nhà nước.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,  
Tp. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

<b>b) Ngoại tệ các loại</b>	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	786.314,01	610.521,81
- Đồng Euro (EUR)	0,70	0,70
<b>c) Nợ khó đòi đã xử lý</b>	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Thu Bồn	178.526.524	178.526.524
- Alize Commodities - Paris	713.944.000	713.944.000
<b>23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>	<u>6 tháng đầu năm</u>	<u>6 tháng đầu năm</u>
	<u>2022</u>	<u>2021</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	8.586.503.012	8.828.963.700
Doanh thu cung cấp dịch vụ	411.660.972.701	198.076.679.091
	<u><b>420.247.475.713</b></u>	<u><b>206.905.642.791</b></u>
<b>24 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU</b>	<u>6 tháng đầu năm</u>	<u>6 tháng đầu năm</u>
	<u>2022</u>	<u>2021</u>
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	-	363.777.987
	<u>-</u>	<u><b>363.777.987</b></u>
<b>25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>	<u>6 tháng đầu năm</u>	<u>6 tháng đầu năm</u>
	<u>2022</u>	<u>2021</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	8.290.125.662	8.507.827.302
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	275.147.285.370	215.120.372.911
	<u><b>283.437.411.032</b></u>	<u><b>223.628.200.213</b></u>
<b>26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	<u>6 tháng đầu năm</u>	<u>6 tháng đầu năm</u>
	<u>2022</u>	<u>2021</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.304.705.866	239.592.909
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	780.608.109	336.747.546
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	2.030.548.824
	<u><b>2.085.313.975</b></u>	<u><b>2.606.889.279</b></u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,  
Tp. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	60.624.961.835	43.626.084.860
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	3.028.220.366	616.106.046
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	8.083.946.421	-
Chi phí tài chính khác	30.623.481	86.434.500
	<b>71.767.752.103</b>	<b>44.328.625.406</b>

(\*) Trong kỳ Công ty nhận được công văn số 681/2022/CV-HCM ngày 25/03/2022 của Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (MSB) yêu cầu truy thu lãi vay và lãi phạt liên quan đến khoản vay vốn lưu động và vay dài hạn đóng tàu Phoenix cho giai đoạn từ quý 3/2015 (tùy theo từng khế ước) đến ngày 23/3/2022 với tổng giá trị là 3.035.080.969 VND và 3.913.552,19 USD tương ứng 94.095.613.326 đồng (trong đó chi phí lãi vay đã trích trước là 27.066.868.547 đồng, chi phí lãi vay cần ghi nhận bổ sung là 64.957.421.508 đồng) do Công ty không thực hiện trả nợ theo đúng kế hoạch tại thỏa thuận ngày 14/10/2015. Do chưa thể thực hiện trả nợ theo đúng kế hoạch, Công ty đang tiếp tục thương lượng với MSB nhằm thống nhất kế hoạch trả nợ mới để được miễn giảm chi phí lãi vay và lãi phạt phát sinh nêu trên và bước đầu đã đạt được thỏa thuận về kế hoạch gia hạn trả nợ với khoản vay vốn lưu động. Hiện tại, Công ty tạm thời ghi nhận một phần khoản chi phí lãi vay, lãi phạt này vào chi phí tài chính và chi phí khác trong kỳ với số tiền lần lượt là 22.758.695.891 và 11.379.347.946 đồng.

**28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí hoa hồng môi giới	6.713.665.751	2.409.118.743
	<b>6.713.665.751</b>	<b>2.409.118.743</b>

**29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	775.857.024	491.315.625
Chi phí nhân công	9.523.800.711	7.658.950.467
Chi phí khấu hao tài sản cố định	185.029.972	192.985.488
Thuế, phí, lệ phí	451.821.208	624.737.595
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.262.737.851	2.479.398.247
Chi phí khác bằng tiền	1.869.840.066	1.650.033.631
	<b>15.069.086.832</b>	<b>13.097.421.053</b>

**30 . THU NHẬP KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	115.058.586	8.181.818
Thu nhập khác	37.081	10.900
	<b>115.095.667</b>	<b>8.192.718</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,  
Tp. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022**31 . CHI PHÍ KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Các khoản bị phạt	31.877.628	-
Chi phí lãi phạt đối với các khoản vay đã quá hạn	44.691.052.891	23.365.807.677
Chi phí còn sót của TSCĐ đã nhượng bán	-	111.709.050
Chi phí khác	-	469.789.684
	<b>44.722.930.519</b>	<b>23.947.306.411</b>

(\*) Khoản chi phí lãi phạt đối với các khoản vay đã quá hạn của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam với số tiền 11.379.347.946 đồng - Xem chi tiết tại thuyết minh số 27 - Chi phí tài chính.

**32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	-	-
Công ty TNHH Cung ứng thuyền viên SCC	969.945.832	1.459.871.305
Công ty TNHH Quản lý tàu biển Hải Đăng	42.361.785	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.012.307.617</b>	<b>1.459.871.305</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	289.309.577	(308.478.165)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(789.165.450)	(690.964.902)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>512.451.744</b>	<b>460.428.238</b>

**33 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	(275.268.499)	(99.765.933.649)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(275.268.499)	(99.765.933.649)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	62.999.337	62.999.337
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(4)</b>	<b>(1.584)</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,  
Tp. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**34 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	6 tháng đầu năm 2022 VND	6 tháng đầu năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.261.913.609	14.376.266.290
Chi phí nhân công	136.374.023.430	101.065.900.323
Chi phí khấu hao tài sản cố định	73.021.069.056	72.313.710.007
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.836.021.305	7.355.010.974
Chi phí khác bằng tiền	59.727.136.215	44.023.852.415
	<b>305.220.163.615</b>	<b>239.134.740.009</b>

**35 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

		Giá trị sổ kế toán		
		30/06/2022	01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền	23.630.498.201	-	19.409.760.141	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	155.876.628.526	(10.406.106.593)	123.127.531.734	(10.406.106.593)
	<u>179.507.126.727</u>	<u>(10.406.106.593)</u>	<u>142.537.291.875</u>	<u>(10.406.106.593)</u>

		Giá trị sổ kế toán	
		30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			
Vay và nợ		973.084.321.509	1.099.939.961.344
Phải trả người bán, phải trả khác		77.124.074.425	86.966.946.541
Chi phí phải trả		1.234.451.536.052	1.114.935.353.307
		<b>2.284.659.931.986</b>	<b>2.301.842.261.192</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,  
Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2022</b>				
Tiền	23.630.498.201	-	-	23.630.498.201
Phải thu khách hàng, phải thu khác	123.229.304.196	22.241.217.737	-	145.470.521.933
	<u>146.859.802.397</u>	<u>22.241.217.737</u>	<u>-</u>	<u>169.101.020.134</u>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>				
Tiền	19.409.760.141	-	-	19.409.760.141
Phải thu khách hàng, phải thu khác	90.442.143.659	22.279.281.482	-	112.721.425.141
	<u>109.851.903.800</u>	<u>22.279.281.482</u>	<u>-</u>	<u>132.131.185.282</u>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,  
Tp. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2022</b>				
Vay và nợ	711.596.780.442	261.487.541.067	-	973.084.321.509
Phải trả người bán, phải trả khác	68.719.485.247	8.404.589.178	-	77.124.074.425
Chi phí phải trả	1.234.451.536.052	-	-	1.234.451.536.052
	<b>2.014.767.801.741</b>	<b>269.892.130.245</b>	<b>-</b>	<b>2.284.659.931.986</b>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>				
Vay và nợ	1.057.459.190.206	42.480.771.138	-	1.099.939.961.344
Phải trả người bán, phải trả khác	78.562.357.363	8.404.589.178	-	86.966.946.541
Chi phí phải trả	1.114.935.353.307	-	-	1.114.935.353.307
	<b>2.250.956.900.876</b>	<b>50.885.360.316</b>	<b>-</b>	<b>2.301.842.261.192</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**36 . THÔNG TIN KHÁC**

Công ty vi phạm thời hạn thanh toán hợp đồng vay, các ngân hàng đã kiện Công ty ra Tòa, đồng thời 2 bên vẫn đang tiếp tục đàm phán để tìm kiếm giải pháp tối ưu. Vì vậy tiềm ẩn các rủi ro tiềm tàng như sau:

- Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Hà Nội liên quan hợp đồng tín dụng trung hạn số 01261206/01TĐN ngày 02/01/2007 tại Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Hà Nội và hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01261206/01TĐN/SĐBS-4 ngày 25/5/2013. Ngày 12/12/2018, Tòa án nhân dân Quận 4 có quyết định số 10/2018/QĐST-KDTM chuyển vụ việc lên Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 15/07/2020, Tòa án đã hủy bản án sơ thẩm do bên Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Hà Nội chưa tập hợp đủ hồ sơ khởi kiện để Tòa án có thể thụ lý và tiến hành các thủ tục tố tụng. Vụ kiện này được tạm hoãn để bên ngân hàng tiếp tục bổ sung hồ sơ. Hiện tại, Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Hà Nội đã chuyển giao nguyên trạng quyền chủ nợ cho Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM.
- Ngân hàng TMCP Á Châu - Sở Giao dịch Tp. Hồ Chí Minh liên quan Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số SGD.DN.01220108 ngày 22 tháng 01 năm 2008, hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số SGD.DN.01130312/MMLC ngày 22 tháng 03 năm 2012, Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 41222579/SĐBS07 ngày 28 tháng 05 năm 2008: Đã có bản án sơ thẩm ngày 25/9/2018 của Tòa án Nhân dân Tp. Hồ Chí Minh, trong đó Tòa án quyết định Công ty phải thanh toán ngay toàn bộ gốc vay và lãi chậm trả. Công ty chưa đồng ý với phán quyết của Tòa sơ thẩm nên ngày 25/12/2018 đã nộp đơn xin phúc thẩm tại Tòa án Nhân dân cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh. Hiện tại, Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Tp.HCM/ Sở giao dịch Tp.HCM đã chuyển giao nguyên trạng quyền chủ nợ cho Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM.
- Theo hợp đồng cấp tín dụng doanh nghiệp số 1007968.A.10. HDTĐ.HCM ngày 01 tháng 06 năm 2010 mà Ngân hàng Indovina và Ngân hàng TMCP Bảo Việt là đồng tài trợ, Ngân hàng TMCP Bảo Việt là đại diện, Ngân hàng Indovina đã khởi kiện Công ty ra Tòa án nhân dân Quận 4 - thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 27/11/2018, Tòa án Nhân dân Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh có Quyết định 09/2018/QĐST-KDTM chuyển vụ việc lên Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo thẩm quyền. Hiện tại vụ án vẫn chưa được xét xử.

Trong năm 2021 và 6 tháng đầu năm 2022 Công ty đã bắt đầu trả một phần nợ gốc cho Ngân hàng dựa trên khả năng tài chính của Công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,  
Tp. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022**37 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

**38 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động kinh doanh 1	Hoạt động kinh doanh 2	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	370.304.764.239	49.942.711.474	420.247.475.713
Chi phí bộ phận trực tiếp	243.903.051.692	39.534.359.340	283.437.411.032
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>126.401.712.547</b>	<b>10.408.352.134</b>	<b>136.810.064.681</b>
Tài sản bộ phận trực tiếp	629.291.953.391	6.975.749.782	636.267.703.173
<b>Tổng tài sản</b>	<b>629.291.953.391</b>	<b>6.975.749.782</b>	<b>636.267.703.173</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	2.351.894.104.004	1.418.334.931	2.353.312.438.935
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>2.351.894.104.004</b>	<b>1.418.334.931</b>	<b>2.353.312.438.935</b>

Theo khu vực địa lý

	Quốc tế	Trong nước	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	410.669.057.188	9.578.418.525	420.247.475.713

**39 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
<b>Thu nhập của Tổng Giám đốc</b>	<b>369.573.428</b>	<b>294.459.513</b>
Ông Trịnh Hữu Lương	369.573.428	294.459.513
<b>Thu nhập của các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị</b>	<b>948.207.865</b>	<b>830.983.804</b>
Ông Huỳnh Nam Anh	371.157.542	269.318.775
Bà Phạm Thị Cẩm Hà	-	16.000.000
Ông Nguyễn Minh Cường	-	16.000.000
Bà Mai Thị Thu Vân	284.912.383	215.028.206
Ông Tạ Văn Thắng	-	114.608.617
Ông Vương Nguyễn Triều Quang	244.137.940	184.028.206
Ông Nguyễn Thanh Ngọc	24.000.000	8.000.000
Ông Trần Trung Dũng	24.000.000	8.000.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**

428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4,  
Tp. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**40 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.



**Lê Kim Phụng**  
Kế toán trưởng



**Mai Thị Thu Vân**  
Phó Tổng Giám đốc tài chính



**Trịnh Hữu Lương**  
Tổng Giám đốc

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2022*

